TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2026
V/v tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Tăng Thị Bạch Vân**

Ông **Trần Hoàng Bảy**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Nhặn** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ *tham gia phiên toà:* Bà **Quách Thị Đào** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc "tranh chấp yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Ung Văn T, sinh ngày 01/01/1986. Địa chỉ: Ấp A, xã B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh ngày 01/01/1987. Địa chỉ: Ấp Q, xã S, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ung Văn T trình bày:

Ông Ung Văn T cùng với bà Nguyễn Thị Kim T1 quen biết sau đó chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện vào năm 2003. Ông Ung Văn T không có đăng ký kết hôn do không nắm quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Ung Thị Ngọc T2, sinh ngày 19/7/2004 hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động. Sau thời gian chung sống chúng ông Ung Văn T bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sau đó thì không còn sống chung nữa từ năm 2005.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Nay ông Ung Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án xác định quan hệ chung sống của ông Ung Văn T với bà Nguyễn Thị Kim T1 không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Ung Thị Ngọc T2, sinh ngày 19/7/2004 hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện ông Ung Văn T đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Căn cước công dân tên Ung Văn T chứng thực;

+ Căn cước công dân tên Trương Hải Linh đối chiếu;

+ Sổ hộ khẩu bản sao;

+ Giấy khai sinh tên Ung Thị Ngọc T2, sinh ngày 19/7/2004 chứng thực;

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về hồ sơ đăng ký kết hôn, đăng ký khai sinh con chung giữa ông Ung Văn T, bà Nguyễn Thị Kim T1 và xác định ông Ung Văn T, bà Nguyễn Thị Kim T1 đến thời điểm xác minh không có đăng ký kết hôn.

* Tại phiên tòa hôm nay,

- Nguyên đơn ông Ung Văn T vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ chung sống giữa nguyên đơn ông Ung Văn T với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T1 là vợ chồng. Về con chung đương sự xác định đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Các vấn đề về tài sản chung và nợ chung đương sự đều xác định không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 24/10/2025, ông Ung Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim T1 có nơi cư trú tại ấp Q, xã S, thành phố Cần Thơ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị

quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn ông Ung Văn T vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T1 vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Ung Văn T:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: ông Ung Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T1 sống chung như vợ chồng từ năm 2003 đến nay không đăng ký kết hôn. Xét thấy các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định tuổi kết hôn *Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn* thì thấy rằng ông Ung Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T1 đến thời điểm năm 2003 sống chung là đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định hiện hành nhưng đến nay vẫn không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…".*

[3.2] Căn cứ vào điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì: *"...c) Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu ly hôn thì Toà án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng;…".*

[3.3] Theo quy định khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014 quy định: *"...2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này. ...".* Do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của ông Ung Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T1.

[4] Về quan hệ con chung: Theo lời trình bày của ông Ung Văn T tài liệu chứng cứ cung cấp xác định con chung là: Ung Thị Ngọc T2, sinh ngày 19/7/2004. Hiện nay các con chung đã thành niên, phát triển bình thường, không dị tật, có khả năng tự làm nuôi sống bản thân. Ông Ung Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T1 cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ung Văn T xác định tài sản chung thống nhất xác định không có; vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy ông Ung Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Kim T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Ung Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T1 có quyền kháng cáo bản này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Cần Thơ phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa nguyên đơn ông Ung Văn T với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim T1 là vợ chồng.

2/ Về con chung: Các con chung của ông Ung Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T1 là: Ung Thị Ngọc T2, sinh ngày 19/7/2004. Hiện nay các con chung đã thành niên, phát triển bình thường, không dị tật, có khả năng tự làm nuôi sống bản thân. Ông Ung Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T1 cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung: Ông Ung Văn T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Ông Ung Văn T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Ung Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0008263 ngày 03/11/2025

của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (ông Ung Văn T đã thực hiện xong). Bà Nguyễn Thị Kim T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Ông Ung Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tố đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- P.GĐKT, TTr &THA TAND TP.CT;
- Đương sự;
- VKSND khu vực 10 – Cần Thơ;
- THADS Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thái Ngọc